

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2010
NHIỆM KỲ 2006-2010**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Hội Đồng Quản Trị Công ty xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động điều hành của Hội Đồng Quản Trị, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng năm 2010 – Nhiệm kỳ 2006 - 2010 và những định hướng cơ bản trong nhiệm kỳ tiếp theo như sau.

I/ GIỚI THIỆU TÓM TẮT CƠ CẤU TỔ, CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

1. Trụ sở Công ty :

- Số 17B Phù Đổng Thiên Vương – Phường 8 – Đà Lạt – Lâm đồng.
- Tel: (063)3 832511- 828127; Fax: (063)3 554065 – 830142
- Email: lbm@lbm-vn.vn; Website: www.lbm-vn-vn

2. Giấy đăng ký kinh doanh :

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 06; Số: 5800391633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/06/2009.

3. Những lĩnh vực kinh doanh chủ yếu :

- Sản xuất và kinh doanh Vật liệu xây dựng.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt.
- San lấp mặt bằng.
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa.
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản.
- Hoạt động xuất nhập khẩu.
- Trồng rừng.

4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm hiện nay là 85.000.000.000VND
(Tám mươi lăm tỷ đồng).

5. Cơ cấu tổ chức công ty:

Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty hiện nay như sau:

- * **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**
- * **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <=> BAN KIỂM SOÁT.**
- * **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:** Hiện Có 02 người, Tổng giám đốc và
01 Phó Tổng giám đốc
- * **GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ:** Hiện có 01 Giám đốc tài chính.
- * **CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG:** Hiện có 05 phòng:
 - *Phòng Tổ chức- Nhân sự.*
 - *Phòng Kế hoạch- Thị trường.*
 - *Phòng Tài chính- Kế toán.*
 - *Phòng Kỹ thuật- Sản xuất.*
 - *Phòng Khoáng sản- Môi trường.*
- * **CÁC XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC:**
Hiện có 05 xí nghiệp đang hoạt động:
 - *Xí nghiệp Đá cát- Đà Lạt.*
 - *Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực- Đà Lạt.*
 - *Xí nghiệp sứ Hiệp An- Đức Trọng.*
 - *Xí nghiệp gạch ngói Thanh Mỹ- Đơn Dương.*
 - *Xí nghiệp cao lanh Hiệp Tiến- Bảo Lộc.*(Có sơ đồ Mô hình tổ chức kèm theo)

6. Cơ cấu lao động hiện có:

Tổng lao động có mặt đến cuối năm 2010: 506 người. Trong đó:

- *Lao động có trình độ đại học: 75 người.*
- *Lao động có trình độ trung cấp: 45 người.*
- *Lao động là công nhân kỹ thuật: 300 người.*
- *Lao động phổ thông: 86 người.*

7. Đơn vị kiểm toán:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt.

II/ KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT):

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2006 - 2010 có 07 thành viên, trong đó 03 thành viên trực tiếp tham gia quản lý điều hành Công ty, 04 thành viên đại diện cổ đông bên ngoài không trực tiếp tham gia điều Công ty. Cụ thể bao gồm:

- Ông Lương Hùng Minh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty.
- Ông Phạm Tuấn Anh: Phó chủ tịch, Giám đốc Cty CP Hiệp thành(Cty con).
- Ông Lương Minh Nhật: Ủy viên, đại diện Công ty Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng FICO TP Hồ Chí Minh.
- Ông Lê Xuân Diệp: Ủy Viên, Cổ đông TP Hồ Chí Minh.
- Ông Lê Đình Hiền: Ủy viên, đại diện Công ty CP Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng.
- Ông Võ Xuân Sơn: Ủy viên, Phó TGD Công ty.
- Ông Nguyễn Danh Cường: Ủy viên, Giám đốc tài chính Công ty.

1/ Những thuận lợi, khó khăn cơ bản :

*** Thuận lợi :**

- Việt Nam chính thức là thành viên của tổ chức thương mại thế giới(WTO), tạo thuận lợi cho việc thâm nhập, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa trong và ngoài nước, việc hoạch định, quyết sách những mục tiêu phát triển của Công ty.
- Các thành viên HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty đều có năng lực, trình độ chuyên môn, có nhiều năm kinh nghiệm về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty, có tâm huyết đối với sự phát triển lâu dài của Công ty.
- Đã thiết lập được các quy chế phối hợp công tác giữa HĐQT, Ban điều hành và các Tổ chức đoàn thể Công ty, tạo được sức mạnh tổng hợp, làm trung tâm khối đoàn kết nội bộ, là tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

*** Khó khăn :**

- Một số thành viên HĐQT hoạt động phân tán, cư trú cách xa Công ty, do đó cũng có những bất cập nhất định trong việc nghiên cứu, tham gia những mục tiêu lớn, nhất là những chương trình mục tiêu có tính thời cơ, hay những vấn đề phát sinh trong điều hành cần được giải quyết kịp thời.
- Tình hình lạm phát, giảm phát không lường trước do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu trong những năm qua cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả những quyết sách của HĐQT, của Ban điều hành.
- Tình hình tài chính Công ty những năm 2005-2008 đầu nhiệm kỳ rất khó khăn

do vốn tự có quá ít ỏi, hoạt động của Công ty chủ yếu bằng nguồn vốn vay ngân hàng, có thời điểm ngân hàng thắt chặt tín dụng phải đi vay của đối tác khác để bảo đảm tiến độ cho các dự án đầu tư đã triển khai, và tình hình khó khăn về vốn cũng được giải tỏa khi Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng vào cuối năm 2009.

2/ Kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị :

2.1/ Các cuộc họp, Quyết nghị các vấn đề lớn của HĐQT:

Trong 05 năm, từ 2006- 2010 HĐQT Công ty đã tổ chức được 24 kỳ họp, ra được 33 Nghị quyết và Quyết định phục vụ cho việc tổ chức, điều hành và triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trong đó, những nội dung sự kiện nổi bật qua các năm như sau:

- **Năm 2006:** Quyết định và hoàn tất hồ sơ, thủ tục niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, theo giấy phép số 91/UBCK-GPNY ngày 30/11/2006 và ngày 20/12/2006 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch. Có thể nói đây là sự kiện nổi bật nhất, giúp cho Công ty bước đầu hội nhập, quảng bá thương hiệu và từng bước nâng cao vị thế của doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước.
- **Năm 2007:** Sửa đổi Điều lệ theo quy định của Điều lệ mẫu đối với Công ty niêm yết; Ban hành Quy chế quản trị Công ty; Phát hành tăng vốn điều lệ từ 16.391.600.000 đồng lên 41.391.600.000 đồng; Quyết định đầu tư 03 dự án: Mở rộng nhà máy cao lanh Hiệp Tiến, mở rộng nhà máy gạch ngói tụy nen Thạnh Mỹ, đầu tư trạm trộn bê tông thương phẩm 30.000m³/năm.
- **Năm 2008:** Quyết định đầu tư 03 dự án: Nâng công suất nhà máy cao lanh Trại Mát lên 30.000tấn/năm, mở rộng nhà máy sứ Hiệp An, nâng công suất Trạm bê tông lên 50.000m³/năm; Ban hành Quy chế người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định mua bán 150.000 CP quỹ; Quyết định đình chỉ hoạt động của Xí nghiệp Xây lắp từ ngày 31/12/2008.
- **Năm 2009:** Phát hành tăng vốn điều lệ từ 41.391.600.000 đồng lên 85 tỷ đồng theo giấy phép số 371/UBCK-GPNY ngày 07/01/2009 của Ủy Ban chứng khoán nhà nước; Bổ sung ngành nghề trồng rừng; Quyết định khởi kiện các đội thi công thuộc Xí nghiệp Xây lắp ra tòa do cố ý dây dưa trong việc thanh quyết toán

nợ công trình.

- **Năm 2010:** Ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty; Quyết định đầu tư bổ sung xe bơm cần, xe chở bê tông... tăng năng lực cạnh tranh cho Xí nghiệp bê tông Hiệp lực.

2.2/ Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý :

Chủ tịch HĐQT Công ty kiêm Tổng giám đốc, các thành viên kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cũng nằm trong Ban điều hành Công ty. Do đó, các Nghị quyết của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông thường niên đều được triển khai và quán triệt kịp thời trong Ban lãnh đạo Công ty, từ các Phòng ban nghiệp vụ xuống đến các Xí nghiệp thành viên. Trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết, luôn có sự phân công trách nhiệm giám sát, chỉ đạo cho từng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành, cho các Phòng, Ban liên quan trong đó đều có gắn với trách nhiệm của cá nhân phụ trách. Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ hay đột xuất trong lãnh đạo toàn Công ty, để kiểm điểm công tác, xử lý và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh, nhằm giúp cho việc triển khai thực hiện các Nghị quyết kịp thời và đạt kết quả cao nhất.

Việc chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc điều hành, đối với cán bộ quản lý trên các cương vị, trọng trách được phân công trong nhiệm kỳ qua, nhìn chung có sâu sát, tính bao quát, quyết đoán cao, công tác điều hành quyết liệt, đã phát huy được vai trò trách nhiệm của tập thể Ban lãnh đạo, điều hành Công ty.

2.3/ Kết quả hoạt động đạt được qua các năm(số liệu đã được kiểm toán):

a) Thực hiện công tác đầu tư:

Trong 05 năm từ 2006-2010, HĐQT quyết định đầu tư 09 dự án với tổng vốn được duyệt sau đầu tư là 98.443.666.239 đồng; Trong đó, thuộc tài sản cố định 96.255.647.857 đồng/Tổng tài sản cố định tăng là 102.597.953.174 đồng, thuộc tài sản lưu động 2.188.018.382 đồng. Các dự án này đều đã hoàn thành và đưa vào sản xuất. Chi tiết các dự án như sau :

TÊN DỰ ÁN	QUYẾT TOÁN	
	Tổng giá trị	Trong đó: Vay
1. Đầu tư dự án Hiệp Tiến 2	19,507,937,714	8,470,000,000
2. Mở rộng nhà máy gạch ngói Thạnh Mỹ	11,684,181,629	7,500,000,000

3. Đầu tư mở NThôn Hạ 2	1,346,216,083	
4. Đầu tư mở rộng XN Hiệp An	44,065,501,210	22,000,000,000
5. Đầu tư nâng công suất XN Đá cát	1,961,588,289	-
6. Đầu tư sản xuất gạch gốm Thanh Mỹ	514,000,000	
7. Đa dạng hóa sản phẩm sau nung Hiệp An	5,042,730,130	1,629,924,250
8. Nâng cấp trạm bê tông XN Hiệp Lực	12,066,042,740	5,500,000,000
9. Nâng cấp nhà máy cao lanh Trại Mát	2,255,468,444	1,230,500,000
CỘNG	98,443,666,239	46,330,424,250

Việc quyết định đúng đắn các chương trình mục tiêu đầu tư của HĐQT, việc tổ chức triển khai quyết liệt, kịp thời của Ban điều hành đã giúp Công ty mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh và hội nhập trên thị trường trong và ngoài nước, giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng theo hướng ổn định. Mức tăng trưởng so với năm 2006 trên 200%, trong đó giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng trên 3,1 lần và đạt 1,16 triệu USD trong năm 2010.

b) Kết quả sản xuất kinh doanh 2006- 2010:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	Mức tăng trưởng năm 2010/2006
1- DT thuần bán hàng hóa, dịch vụ	69.597	57.599	101.148	116.197	143.609	=>Đạt 2,06 lần, tăng trưởng bq 21%/năm
<i>* Tăng trưởng so năm trước(%)</i>	<i>101</i>	<i>83</i>	<i>176</i>	<i>115</i>	<i>123</i>	
- Riêng DT xuất khẩu(USD)	376,204	450.794	768.546	877.156	1.165.270	=>Đạt 3,1 lần, tăng trưởng bq 42%/năm
<i>* Tăng trưởng so năm trước(%)</i>	<i>127</i>	<i>120</i>	<i>170</i>	<i>114</i>	<i>133</i>	
2- Thu nhập trước thuế+lãi vay+ khấu hao TSCĐ	12.133	12.531	19.945	24.949	34.889	=>Đạt 2,8 lần, tăng trưởng bq 37%/năm
<i>- Riêng khấu hao TSCĐ thực trích</i>	<i>5.065</i>	<i>5.080</i>	<i>7.731</i>	<i>10.885</i>	<i>13.624</i>	=>Đạt 2,7 lần, tăng trưởng bq 34%/năm
3- Thu nhập trước thuế+lãi vay	7.068	7.451	12.214	14.064	21.265	=>Đạt 3 lần, tăng trưởng bq 40%/năm
4- Tổng lợi nhuận trước thuế	3.654	4.273	7.603	9.522	15.259	=>Đạt 4,1 lần, tăng trưởng bq 63%/năm
<i>* Tăng trưởng so năm trước(%)</i>	<i>153</i>	<i>117</i>	<i>178</i>	<i>125</i>	<i>160</i>	
5- Lợi nhuận ròng	2.983	4.273	7.449	7.890	12.215	=>Đạt 4 lần, tăng trưởng bq 62%/năm
6- EPS cơ bản (đồng)	1.820	1.033	1.808	0.930	1.463	
7- Trả cổ tức hàng năm	2.124	2.481	4.783	5.845	9.909	=>Tăng trưởng bq 73%/năm
- Tỷ lệ bình						

quân/Vốn góp	13	6	12	7	12	
8- Các khoản nộp Ngân sách	3.807	3.258	3.797	7.620	12.732	=>Đạt 2,9 lần, tăng trưởng bq 38%/năm
- Riêng các khoản thuế	3.415	2.760	3.159	6.958	11.472	=>Đạt 3 lần, tăng trưởng bq 41%/năm

Ghi chú : Chi tiêu lợi nhuận của các năm trong nhiệm kỳ đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, bảo đảm mức cổ tức theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Riêng 02 năm 2007 và 2009 mức cổ tức trên vốn đạt thấp là do Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Cụ thể như sau :

- Năm 2007 mức cổ tức kế hoạch là 15% trên 16.391.600.000 đồng vốn đầu năm, trong năm vốn điều lệ tăng trên 2 lần, từ 16.391.600.000 đồng lên 41.391.600.000 đồng, do đó tỷ lệ cổ tức đạt 6% trên vốn mới.
- Năm 2009 cũng vậy, vốn điều lệ tăng trên hai lần, từ 41.391.600.000 đồng lên 85 tỷ đồng và tỷ lệ cổ tức cũng đạt mức 7% trên vốn mới.

c) Kết quả một số chỉ tiêu tài chính trong 05 năm :

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	Mức tăng trưởng năm 2010/2006
Tổng Tài sản và Nguồn Vốn. Trong đó:	69.518	108.353	153.743	182.632	183.906	=>Đạt 2,64 lần, tăng trưởng bq 33%/năm
+ Giá trị TSCĐ ròng	28.435	25.493	50.347	85.530	91.393	=>Đạt 3,25 lần, tăng trưởng bq 44%/năm
* Nguyên giá TSCĐ	50.015	52.154	84.634	130.703	149.741	=>Đạt 2,99 lần, tăng trưởng bq 40%/năm
* Hao mòn lũy kế TSCĐ	21.580	26.661	34.287	45.173	58.348	=>Đạt 2,7 lần, tăng trưởng bq 34%/năm
+ Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH). Bao gồm:	18.928	59.258	63.951	117.866	123.343	=>Đạt 6,51 lần, tăng trưởng bq 110%/năm
- Vốn đầu tư của CSH	16.392	41.356	41.356	85.000	85.000	=>Đạt 5,18 lần, tăng trưởng bq 83%/năm
* Trong đó Vốn nhà nước	1.789	3.577	3.577	0	0	=> Hiện không còn vốn nhà nước
- Thặng dư Vốn cổ phần	0	13.910	13.910	21.379	21.379	
- Cổ phiếu quỹ			-2.425	-2.425	-2.549	
- Quỹ, vốn khác của CSH	2.536	3.992	4.764	6.528	7.436	=>Tăng 1,9 lần, bq 38%/năm
+ Các khoản Nợ phải trả	50.169	48.477	89.479	64.241	60.563	
Trong đó:						
- Vay vốn lưu động	17.922	15.394	15.795	16.872	20.416	
- Vay dài hạn	11.652	15.847	42.077	23.853	19.252	

d) Kết quả đầu tư phát triển vùng nguyên liệu :

Trong nhiệm kỳ, song song với việc xin cấp lại giấy phép cho một số mỏ nguyên liệu cũ Công ty cũng đã khảo sát, tìm kiếm và quan hệ với các ngành, các cấp làm hồ sơ xin được giấy phép khai thác cho một số mỏ nguyên liệu mới để phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng diện tích các mỏ đã được cấp phép đến thời điểm này là trên 65 ha, chi tiết cụ thể như sau:

ST T	Tên mỏ	Diện tích (ha)	Thời hạn khai thác	Trữ lượng mỏ hiện nay	Số Giấy phép	Ngày cấp
1	Mỏ cao lanh Lộc Châu	11,51	16 năm	140.000 tấn	1119/GP-BTNMT	9/08/2006
2	Mỏ Bentonite Tam Bó	15,10	15 năm	200.000 m ³	37/GP-UBND	11/05/2007
3	Mỏ sét Tutra	3,45	3 năm	92.000 m ³	65/GP-UBND	30/05/2008
4	Mỏ đá Cam Ly	9,00	20 năm	2.600.000 m ³	89/GP-UBND	13/10/2008
5	Mỏ cát, sét Lộc Tân	7,46	3 năm	70.000 m ³	03/GP-UBND	13/01/2010
6	Mỏ đá N'thol Hạ	6,75	3 năm	210.000 m ³	13/GP-UBND	12/03/2010
7	Mỏ sét Nghĩa Lập	10,00	1 năm	350.000 m ³	685/GP-UBND	26/03/2010
8	Mỏ đá Lộc Bảo	2,00	3 năm	170.000 m ³	17/GP-UBND	13/05/2010

(Riêng mỏ cao lanh Đa Quý Giấy phép do Cục địa chất – Khoáng sản cấp từ năm 2001 với thời gian là 18 năm)

Bên cạnh đó hiện nay Công ty cũng đang tiến hành làm các thủ tục để tìm kiếm phát triển thêm một số mỏ nguyên liệu khác để đảm bảo nguồn nguyên liệu lâu dài cho các dự án đầu tư của Công ty.

e) Kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ :

Trong nhiệm kỳ từ 2006- 2010, Công ty đã hoàn thành 02 đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng vào các năm 2007 và 2009. Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 16.391.600.000 đồng năm 2006 lên 85 tỷ đồng năm 2009, bảo đảm nguồn vốn cho đầu tư, cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

f) Kết quả ban hành các quy chế Công ty :

Trong nhiệm kỳ, HĐQT Công ty đã chỉ đạo soạn thảo và ban hành được 03 quy chế phục vụ cho công tác quản trị, điều hành Công ty; Đó là:

- Quy chế Quản trị Công ty.
- Quy chế Người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.
- Quy chế Quản lý tài chính Công ty.

g) Kết quả mua bán cổ phiếu quỹ:

+ Trong nhiệm kỳ, HĐQT Công ty Quyết định 02 đợt mua cổ phiếu quỹ:

- Năm 2008 mua 150.000 cổ phiếu, giá trị mua 2.425.324.557 đồng.
- Năm 2010 mua 200.000 cổ phiếu, giá trị mua 2.103.928.458 đồng.

Tổng khối lượng cổ phiếu thực mua: 350.000 cổ phiếu, với tổng giá trị là 4.529.163.015 đồng.

+ Tháng 05/2010 đã bán 7.500 cổ phiếu, giá trị thu được 157.027.500 đồng theo Quyết định của HĐQT.

+ Số cổ phiếu quỹ còn lại cuối kỳ là 342.500 cổ phiếu, tương ứng với giá trị 4.372.135.515 đồng.

2.4/ Các giải thưởng đạt được trong nhiệm kỳ :

- Giải thưởng chất lượng Việt Nam 2006.
- Hai huy chương vàng cho sản phẩm cao lanh HTK của Xí nghiệp Hiệp Tiến và Ông sứ chịu nhiệt của Xí nghiệp Hiệp An do Ban tổ chức triển lãm Quốc tế Việtbuild tặng năm 2008.
- Giải thưởng cúp vàng ‘Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2008’ do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán tặng năm 2008.
- Hai huy chương vàng chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn năm 2010 cho sản phẩm cao lanh HTK của Xí nghiệp Hiệp Tiến và Ông sứ chịu nhiệt của Xí nghiệp Hiệp An do Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trao tặng.
- Cúp vàng WTO chất lượng và Hội nhập của thương hiệu Việt trao tặng năm 2010.
- Chứng nhận thương hiệu Việt hàng đầu (đạt danh hiệu Top 500 Thương hiệu VN 2010) do tạp chí thương hiệu Việt và Viện Khoa học Công nghệ Phương Nam trao tặng năm 2010.
- Danh hiệu hàng chất lượng cao phù hợp chất lượng Quốc tế năm 2010 do Liên

hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam tặng.

III/ ĐÁNH GIÁ CHUNG :

Nhìn chung, những năm đầu nhiệm kỳ tình hình tài chính Công ty gặp rất nhiều khó khăn, do vốn ít lại triển khai đồng thời một số dự án đầu tư, hoạt động của Công ty thời gian này chủ yếu bằng nguồn vốn vay, có thời điểm ngân hàng thắt chặt tín dụng phải đi vay của đối tác khác. Cuối năm 2009 khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng thì tình hình tài chính của Công ty mới được cải thiện. Mặt khác, do tình hình lạm phát, suy thoái kinh tế toàn cầu từ cuối năm 2007, những biến động thường xuyên về cung cầu, về giá cả ... của thị trường trong và ngoài nước, cùng với sự cạnh tranh gay gắt trong nền kinh tế thị trường đã gây ra không ít khó khăn thách thức cho các doanh nghiệp trong đó có Công ty.

Tuy nhiên, với những quyết sách đúng đắn, kịp thời, sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, sự quyết liệt của Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, trong nhiệm kỳ 2006- 2010 Công ty đã có bước phát triển đáng kể cả về quy mô sản xuất, về chủng loại sản phẩm và uy tín, thương hiệu trên thương trường. Mức tăng trưởng của Công ty năm sau cao hơn năm trước theo hướng ổn định như kết quả đã được tổng hợp ở trên. Trong đó: Doanh thu tăng trên 2 lần, mức tăng trưởng bình quân 31%/năm, riêng doanh thu xuất khẩu tăng 3,1 lần, mức tăng trưởng bình quân 42%/năm; Lợi nhuận trước thuế tăng 4,1 lần, mức tăng trưởng bình quân 63%/năm; Thu nộp ngân sách tăng 2,9 lần, mức tăng trưởng bình quân 38%; Tổng Tài sản và Nguồn vốn của Công ty cũng tăng 2,64 lần, mức tăng trưởng bình quân 33%/năm, riêng nguồn vốn chủ sở hữu tăng 6,51 lần, mức tăng trưởng bình quân 110%/năm.

Những hạn chế tồn tại :

- Các thành viên HĐQT đều kiêm nhiệm, do đó việc hoạch định mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty theo hướng chuyên sâu, đồng bộ có phần bị hạn chế.
- Việc phân công trách nhiệm phụ trách các mảng hoạt động của Công ty mới chỉ thực hiện đối với các thành viên tham gia điều hành, chưa phân các Tiểu ban theo quy chế mẫu, do đó hoạt động của HĐQT chưa đồng bộ, tăng áp lực cho điều hành, đôi khi còn chông chéo trong điều hành.

- Trong công tác đầu tư chưa lường định hết những phát sinh về công nghệ, thiết bị, thị trường, năng lực nhà thầu... dẫn đến việc đầu tư một số hạng mục, thiết bị chưa đồng bộ, phải điều chỉnh bổ sung nhiều lần như: Dự án đầu tư Nhà máy chế biến cao lanh Hiệp Tiến; Dự án đầu tư Nhà máy Sứ Hiệp An... trong đó có những hạng mục không phù hợp hoặc nhà thầu thực hiện không đạt yêu cầu.
- Việc tính toán, triển khai công tác đầu tư nhìn chung còn chậm, chưa dự báo, dự đoán hết những biến động, rủi ro của thị trường. Do đó, có lĩnh vực, dự án thời gian đầu sau đầu tư chưa phát huy hết công suất, hiệu quả như mong đợi.
- Trong công tác lãnh chỉ đạo, điều hành, tính quyết đoán đôi khi cũng còn hạn chế, chưa cao, chưa cương quyết, có lúc còn dĩ hòa vi quý, xử lý công việc phát sinh chưa triệt để, chưa kịp thời.

IV/ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN TRONG NHIỆM KỲ TỚI :

1) Công tác giám sát, chỉ đạo điều hành :

Tăng cường hơn nữa công tác giám sát, chỉ đạo của HĐQT, xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình hoạt động, điều hành; Có kế hoạch tổ chức hoạt động cho tất cả các lĩnh vực, ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trong thời điểm thích hợp; Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, mở rộng thị trường...; Bảo đảm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó tốc độ tăng trưởng sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty từ 15% - 20%; Mức cổ tức tối thiểu trên 13%/năm. Dự kiến cụ thể qua các năm như sau:

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ 2011-2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Doanh thu	Triệu đồng	160.000	190.000	220.000	260.000	300.000
2	Lợi nhuận tối thiểu	Triệu đồng	18.000	22.000	27.000	33.000	40.000
3	Mức cổ tức tối thiểu	%	13	16	19	22	25

2) Công tác tổ chức nhân sự:

Từng bước chỉ đạo việc nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh lại mô hình tổ chức hoạt động từ Công ty xuống cơ sở, mô hình quản lý điều hành chung của Công ty; Cần chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ kế cận, công tác định biên, kiện toàn bộ máy nhân sự, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của Công ty.

3) Hoạt động của HĐQT:

- Nghiên cứu, phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT theo các Tiểu ban như quy chế mẫu hướng dẫn, trên cơ sở đó phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho từng Tiểu ban. Các Tiểu ban chịu trách nhiệm trước HĐQT về các quyết định và kết quả công việc do Tiểu ban đảm trách.

- Duy trì cuộc họp của HĐQT ít nhất một quý một lần, có thể tăng cường các cuộc họp đột xuất để xử lý những công việc phát sinh có tính phức tạp, cấp bách mà việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản không thích hợp.

4) Công tác phát triển vùng nguyên liệu:

Có biện pháp chỉ đạo quyết liệt đối với việc tìm kiếm, đầu tư mở rộng các vùng mỏ nguyên liệu nhằm bảo đảm cho sản xuất ổn định lâu dài. Trước mắt, tập trung phát triển các vùng nguyên liệu đã khảo sát như mỏ cao lanh Bảo Lộc, mỏ cao lanh Đa Quý- Đà Lạt, mỏ đá N'thol Hạ- Đức Trọng và các mỏ sét cho gạch ngói. Trong năm 2011-2012 cần giải quyết trước được 30 ha mỏ nguyên liệu các loại.

5) Công tác đầu tư:

Từng bước triển khai tiếp các chương trình đầu tư phù nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh và hoàn thiện các chương trình mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm... với tổng mức đầu tư khoảng từ 30 tỷ- 50 tỷ trong những năm tới.

6) Về vốn điều lệ:

Tùy theo lộ trình và nhu cầu vốn cho các chương trình đầu tư, hoặc theo quy định bổ sung của luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vốn điều lệ mà có kế hoạch tăng vốn phù hợp từ trên 100 tỷ đến 150 tỷ ở giai đoạn cuối nhiệm kỳ.

Đà Lạt, ngày 22/ 04/ 2011

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Các cổ đông.
- Lưu VP.

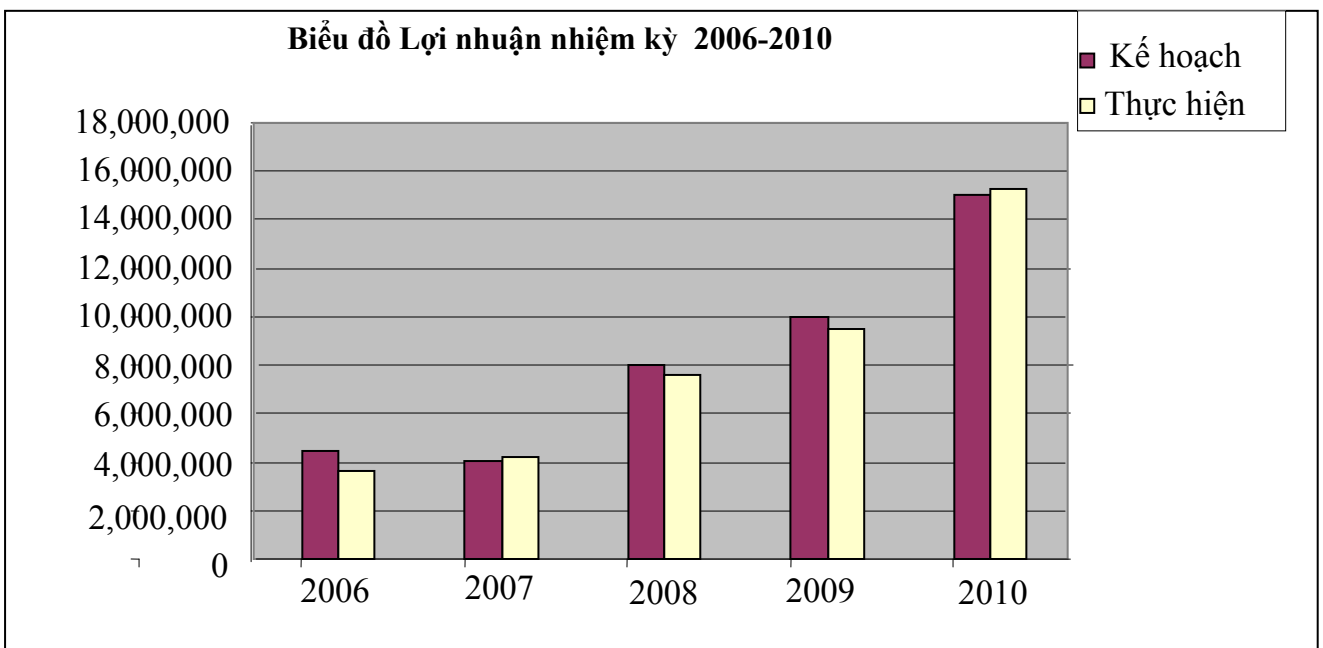
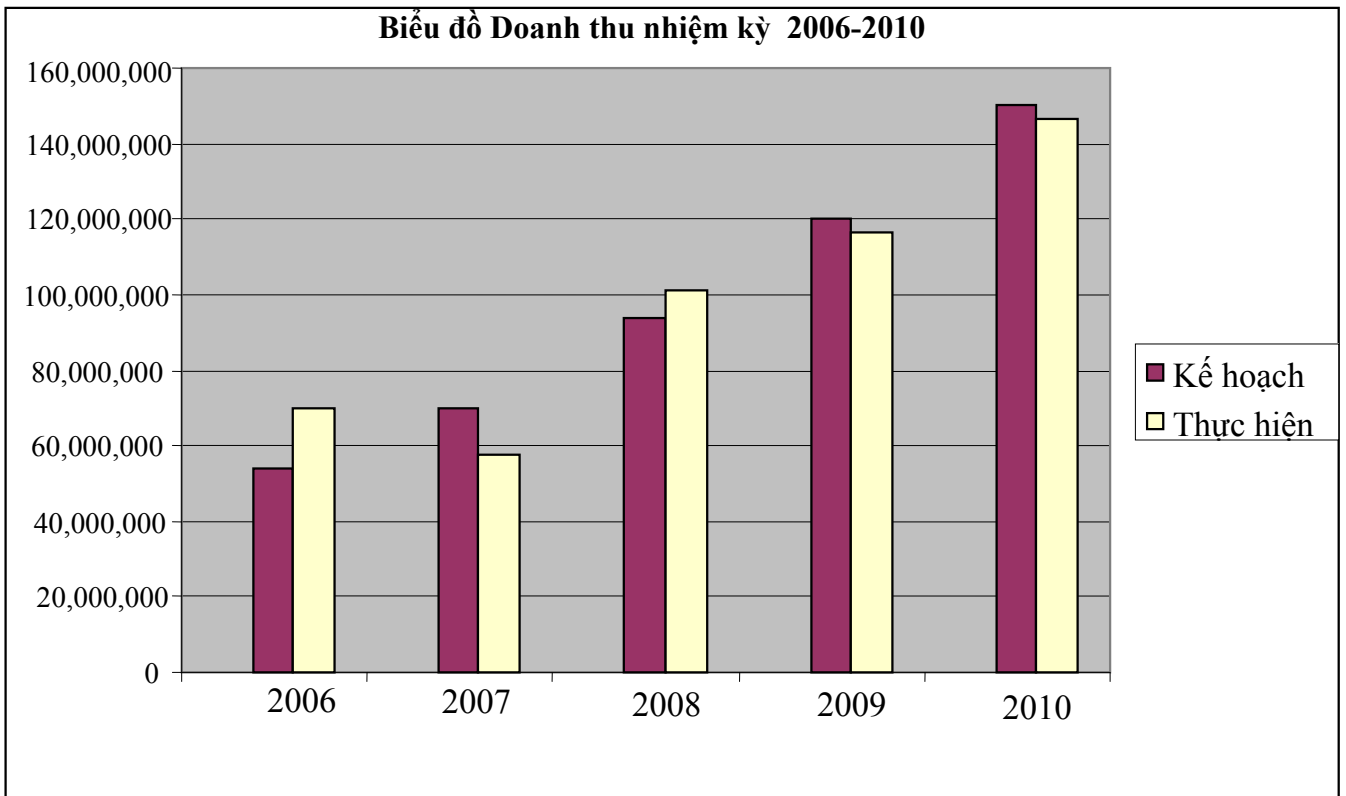


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
☸☸☸

Phụ lục : 01/BCNK

SẢN PHẨM SẢN XUẤT - TIÊU THỤ TỪ NĂM 2006 - 2010

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010	So sánh			
								2007/ 2006	2008/ 2007	2009/ 2008	2010/ 2009
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(5/4)	(6/5)	(7/6)	(8/7)
I	SẢN XUẤT										
1	Đá các loại (Sản phẩm chính)	m3	124,213	95,947	126,158	164,593	160,114	77.2	131.5	130.5	97.3
2	Kao lanh HTK các loại (độ ẩm 35%)	Tấn	7,241	11,061	15,649	22,502	40,282	152.8	141.5	143.8	179.0
3a	Kao lanh DQK các loại (độ ẩm 32%)	Tấn	11,287	12,005	11,786	8,688	10,009	106.4	98.2	73.7	115.2
3b	Vật liệu chịu lửa	Tấn	2,152	2,797	3,273	5,008	6,939	130.0	117.0	153.0	138.6
3c	Ống sứ	Tấn	641	801	1,067	1,397	1,683	125.0	133.2	130.9	120.5
4a	Bê tông các loại	m3	9,455	6,036	15,200	23,214	17,416	63.8	251.8	152.7	75.0
5	Gạch tuynen	1,000 kg	47,053	47,052	52,531	39,474	33,341	100.0	111.6	75.1	84.5
6	Bentonite	m3	22,313	5,961	20,253	23,046	15,285	26.7	339.8	113.8	66.3
II	TIÊU THỤ										
1	Đá các loại (Sản phẩm chính)	m3	132,167	100,898	125,705	169,083	159,110	76.3	124.6	134.5	94.1
2	Kao lanh HTK các loại (độ ẩm 35%)	Tấn	6,782	9,695	15,388	21,876	40,375	143.0	158.7	142.2	184.6
3a	Kao lanh DQK các loại	Tấn	5,848	6,149	342	5,510	7,101	105.1	5.6	1,610.8	128.9
3b	Vật liệu chịu lửa	Tấn	1,298	1,595	1,847	2,080	3,527	122.9	115.8	112.6	169.6
3c	Ống sứ	Tấn	693	809	1,095	1,236	1,759	116.7	135.4	112.9	142.3
4a	Bê tông các loại	m3	9,455	6,036	15,200	23,214	17,416	63.8	251.8	152.7	75.0
5	Gạch tuynen	1,000 kg	47,345	47,434	44,982	42,034	33,411	100.2	94.8	93.4	79.5
6	Bentonite	m3	22,313	5,961	20,253	23,046	15,285	26.7	339.8	113.8	66.3



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG

